TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tư;

2. Ông Đỗ Thành Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Đặng Phi H, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp L, xã N, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Phi H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Anh T chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Từ ngày sống chung vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn và hàn gắn được, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2015. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mỗi lần vợ chồng nói chuyện là thường gây gỗ. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn sống chung. Nay

anh thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn nêu yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có có ba con chung là cháu Đặng Trung H, sinh năm 1996 hiện nay đã thành niên và tự lao động được, còn hai cháu nhỏ là Đặng Gia H, sinh năm 2003 và cháu Đặng Gia H, sinh năm 2010, ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên là cháu H và cháu H mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con thành niên và tự lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Chị đồng ý theo lời trình bày của anh H về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn,về mâu thuẫn và thời gian ly thân. Nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là các cháu Đặng Trung H, sinh năm 1996 hiện nay đã thành niên và tự lao động được, còn hai cháu nhỏ là Đặng Gia H, sinh năm 2003 và cháu Đặng Gia H, sinh năm 2010, do cháu H và cháu H đang đi học nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng cháu H và cháu H mỗi cháu 2.000.000/tháng cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Anh H, chị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T là có căn cứ theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Anh H, chị T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh H, chị T là vợ chồng. Về con chung: Anh H, chị T thống nhất giao cháu Đặng Gia H, sinh năm 2003 và cháu Đặng Gia H, sinh năm 2010 cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận anh H và chị T thỏa thuận anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

hai cháu H và cháu H mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung, anh H, chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Phi H, chị Nguyễn Thị Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đặng Phi H, chị Nguyễn Thị Anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Do không đăng ký kết hôn nên việc anh H, chị T sống chung đã vi phạm quy định tại theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình do đó giữa anh H và chị T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị T, trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng đồng ý ly hôn với anh H nhưng không thể xem xét cho anh chị thuận tình ly hôn mà căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận anh H, chị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Đặng Trung H, sinh năm 1996 hiện nay đã thành niên và tự lao động được nên không giải quyết. Hai cháu nhỏ là Đặng Gia H, sinh năm 2003 và cháu Đặng Gia H, sinh năm 2010, ghi nhận anh H, chị T thỏa thuận giao cháu H và cháu H cho chị T nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên là cháu H và cháu H mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu thành niên và tự lao động được.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh H, chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận anh Đặng Phi H và chị Nguyễn Thị Anh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Đặng Gia H, sinh ngày 08-8-2003 và cháu Đặng Gia H, sinh ngày 23-01-2010. Riêng cháu Đặng Trung H, sinh năm 1996 hiện nay đã thành niên và tự lao động được nên không giải quyết.

Anh Đặng Phi H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Gia H, sinh ngày 08-8-2003 và cháu Đặng Gia H, sinh ngày 23-01-2010 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu thành niên và có khả năng lao động được.

Anh Đặng Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Anh T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Đặng Phi H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0012342 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, anh H còn phải nộp thêm 150.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.